

Văn Hóa Cao Đài:
Giới Tâm Kinh Đạo Cao Đài
Lê Tấn Tài

“Dễ gì lộn kiếp đặng làm người,
May đặng làm người chớ dễ-duôi.
Lành dữ hai đường vừa ý chọn,
Lành như tòng, dữ tợ hoa tươi...”

Bốn câu kinh trên đây trích từ bài “Giới Tâm Kinh”¹, với lời khuyên: “Người tín đồ Cao Đài năng tụng bài này mà sửa tánh, răn lòng”. Đạo Cao Đài với giáo lý đặt căn bản trên tinh thần tam giáo Phật, Khổng, Lão đã “thấm nhuần vào nền văn hóa Việt Nam từ lâu, nên chỉ sau thời gian ngắn khai Đạo, tín đồ Cao Đài gia tăng rất lớn lao, do tôn chỉ và giáo lý đã đáp ứng được nguyện vọng của người dân Việt Nam”² Thật vậy, “Phật, Khổng, Lão đã du nhập vào đất nước Việt Nam từ thế kỷ thứ nhất trước Tây Lịch (Khổng), đến thế kỷ thứ hai sau Tây Lịch (Phật và Lão). Các luồng tư tưởng này đã được nhân dân Việt Nam, vốn có tinh thần khai phóng và dung hợp rộng rãi, sớm tiếp nhận và dung nạp, để lại dấu ấn sâu đậm trong mọi sanh

1-Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh, ấn hành 1992, trang 86-89.
2-Lê Tấn Tài, Tinh thần Tam Giáo Đạo Cao Đài trong bối cảnh toàn cầu hóa, tập san Nghiên Cứu Văn Hóa Đồng Nai & Cửu Long, Úc Châu số 1, năm 2007, Sydney, trang 82,

hoạt và trong nền văn học dân gian...¹

Giáo lý Đạo Cao Đài mà căn bản đặt trên tinh thần Tam Giáo đã đáp ứng đúng tâm tình và nếp suy tư của người Việt Nam từ lâu đời, nên được hưởng ứng nhanh chóng và mạnh mẽ.

Bài viết này trình bày ý nghĩa của các từ: Giới, Tâm, Kinh theo giáo lý Phật, Khổng, Lão được dung nạp vào Đạo Cao Đài và thủ tục chế tài khi phạm giới. Đây là một sắc thái đặc thù của văn hóa Đạo Cao Đài. Giới Tâm Kinh đìu dẫn người tín đồ Cao Đài “tu tâm, sửa tánh, làm phải, làm lành”, giữ tâm thanh tịnh để đạt cuộc sống an lành “niết bàn tại thế”. Văn hóa Cao Đài là một thành phần của nền văn hóa Việt Nam, và đặc biệt của vùng Nam Kỳ Lục Tỉnh, vùng đất trù phú, hiền hòa chảy dài trên châu thổ hai con sông Đồng Nai và Cửu Long.

Vậy thế nào là giới?

Hoa Nghiêm Kinh Sứ nói: “Ngăn ngừa những điều sai quấy, chấm dứt những việc xấu ác, gọi là giới. Vì vậy, đức Phật vì hạnh phúc của chúng sanh mà chế ra năm giới cấm cho hàng cư sĩ. Đây chính là năm nguyên tắc sống của người Phật tử tại gia, cũng là yếu tố đem lại hạnh phúc cho cá nhân, gia đình và xã hội”.

Năm giới gồm:

1. Không sát sanh,
2. Không trộm cắp,

1-Tiến sĩ Hồ Đình Chữ, Thiện căn ở tại lòng ta, đặc san Tây Ninh Mến Yêu 2003, Sydney, trang 137.

3. Không tà dâm,
4. Không nói vọng,
5. Không uống rượu. (Bao gồm những chất gây nghiện, làm mất lý trí, ý chí)

“Giới, tiếng Phạn là Sila, tiếng Hoa dịch là thi la”.
Sách Đại Thừa Nghĩa Chương, quyển 1, nói:

“Thi la, tiếng Hoa, nghĩa là tươi mát (thanh lương), cũng gọi là giới. Ba nghiệp: Thân, Khẩu, Ý gây nghiệp phiền não, nóng bức như lửa, thiêu đốt chúng sanh. Giới có thể ngăn ngừa, dập tắt, nên gọi là tươi mát. Tươi mát là phiên dịch đúng theo nghĩa từ “Sila”, còn “Sila” có thể ngăn ngừa, chấm dứt những điều ác của ba nghiệp, nên gọi là giới.”¹

Ngũ giới chỉ áp dụng cho hàng cư sĩ tại gia, còn hàng xuất gia, tỳ kheo phải thọ 250 giới, sa di 10 giới, còn tỳ kheo ni phải thọ 350 giới, sa di ni cũng thọ 10 giới². “Thường thường, ta hiểu giới là luật, luật là giới. Thực ra, giới là điều răn, luật là qui luật thi hành giới. Không có luật, thì giới không có cách thi hành.

Luật, tiếng Phạn là Upalaksa”³

Sau khi Đức Phật nhập diệt, lần kiết tập đầu tiên là kiết tập Kinh Tạng và Luật Tạng. Sau đó, mới xuất hiện Luận Tạng, họp thành ba Tạng, trình bày trọn vẹn giáo lý Phật Giáo. Luật Tạng đầu tiên là Bát Thập

1-Thích Quang Minh, *Chân dung người Phật tử, nhà xuất bản Tôn Giáo, 2001, trang 88.*

2-Thích Thiện Siêu, *Cương Yếu giới luật, Phật Học Viện Quốc Tế xuất bản, 1997, Hoa Kỳ, trang 37.*

3-Thích Thiện Siêu, *sách đã dẫn, trang 31, 32.*

Tụng, do Tôn Giả Ưu Ba Li tụng. Tôn Giả Ưu Ba Li là một trong mười đại đệ tử của Đức Phật.

Giới còn chia thành điều khinh và điều trọng. Bồ Tát Ưu-bà-tắc giới dành cho người tu tại gia, gồm có 3 phần: Luật nghi giới, thiện pháp giới và nhiều ích hữu tình giới.

- Luật nghi giới: Ngoài tam qui, ngũ giới, lại còn có 6 giới trọng và 28 giới khinh.
- Thiện pháp giới: Phải tu học các thiện sự thế gian, xuất thế gian và các giáo pháp của Phật.
- Nhiều ích hữu tình giới: Phải tu tập cái bi tâm đối với chúng sanh độc ác, mê lầm, khổ não, tà kiến, không hiểu Phật pháp.

Bồ tát giới là giới chung của hàng tứ chúng: Tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di. Bồ tát giới có 10 điều trọng, 48 điều khinh.¹

Để hiểu rõ thế nào là điều khinh, điều trọng, xin so sánh với hình luật của xã hội thế tục. Hình luật phân biệt 3 loại tội phạm: Tội vi cảnh, khinh tội và trọng tội. Tội vi cảnh bị phạt tiền (vi phạm hành chánh), khinh tội do tòa tiểu hình xử, hình phạt gồm phạt tiền, và/hoặc phạt tù ngắn hạn, trọng tội do tòa đại hình xử, hình phạt là tù dài hạn, thí dụ chung thân khổ sai, hoặc tử hình.

“Qua các nghĩa của giới như được trình bày, giới giúp cho hành giả đạt được hai mục tiêu: không làm điều

1-Đoàn Trung Còn, Phật Học Từ Điển, tập nhất, Sài gòn, 1963, trang 291-293,

ác (chư ác mạc tác), làm các việc lành (chúng thiện phụng hành), mục tiêu thứ ba là giữ tâm ý thanh tịnh”¹. Vậy thế nào là Tâm?

Thiền Chửu định nghĩa chữ Tâm: (Tim):

“Đời xưa cho tim là vật để nghĩ ngợi, cho nên cái gì thuộc về tư tưởng, đều gọi là tâm. Phật học cho muôn sự, muôn lẽ đều do tâm người tạo ra, gọi là phái duy tâm. Nhà Phật chia tâm ra nhiều thứ, nhưng rút lại có hai thứ tâm trọng yếu nhất:

- Vọng tâm: cái tâm nghĩ ngợi lan man, xằng bậy.
- Chân tâm: Cái tâm nguyên lai vẫn sáng láng tinh thông, đầy đủ mẫu nhiệm, không cần phải nghĩ mới biết, cũng như tấm gương trong suốt, vật gì qua nó là soi tỏ ngay, khác hẳn với cái tâm phải suy nghĩ mới biết, phải học hỏi mới hay. Nếu người ta biết rõ cái chân tâm mình như thế mà xếp bỏ sạch hết cái tâm nghĩ ngợi lan man xằng bậy thì tức thì thành đạo ngay.
- Nghĩa thứ hai: Tâm là giữa, phạm nói về phần giữa đều gọi là tâm”.² Nghĩa này không nằm trong nội dung đề cập ở đây.

Đoàn Trung Còn định nghĩa chữ Tâm:

Chữ Tâm có những nghĩa về vật chất và về tinh thần.

- Về vật chất, tâm là trái tim, là chỗ chính giữa.
- Về tinh thần, tâm thường dịch nôm là lòng, nghĩa là:
 - *- Lòng dạ, nổi niềm cảm động, như an tâm, loạn tâm.
 - *- Nội (bề trong), đối với ngoại (bề ngoài), như tâm

1-Giới học, Thích Chơn Thiện, Buddha Sasana web-site.

2-Tự Điển Hán Việt, Thiền Chửu, nhà XB Văn Hóa Thông Tin, Hà Nội, Việt Nam, năm 2002, trang 178.

nhãn.

*- Chí, lòng cương quyết; Ý; Thức; Trí.

*- Cái linh giác chung của chúng sanh, vạn vật, vũ trụ, tức là tâm linh, thần hồn

*- Căn bản, chỗ phát sanh, chỗ trụ cốt.

*- Tánh, tức tâm tánh

*- Chỗ bí mật. ¹ Chữ Tâm trong bài này căn cứ vào nghĩa về tinh thần.

Hòa Thượng Thích Thiện Hoa cho rằng: “Tâm trong duy thức học, gọi là “tám thức”, tức 8 cái tâm, gồm nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, ý căn và tàng thức”. ²

Đức Nguyên trong Cao Đài Từ Điển giải thích chữ Tâm, xin trích như sau:

“Tâm: lòng dạ. Tánh: tánh tình, tánh nết.

Tâm tánh là lòng dạ và tánh nết.

Tâm tánh tương thông: sự cảm thông lẫn nhau giữa tâm tánh của người này với người khác.

Mỗi người đều có một cái Tâm ẩn khuất bên trong, vô hình vô ảnh, nhưng rất mầu nhiệm thiêng liêng. Người chỉ biết được Tâm chớ không thể thấy Tâm.

Khi Tâm thể hiện ra ngoài bằng cử chỉ, hành động, lời nói thì gọi là Tánh. Thánh Nho nói: Tánh tự Tâm sanh, nghĩa là cái Tánh do từ cái Tâm sanh ra. Do đó,

1-Phật Học Từ Điển, quyển 3, Đoàn Trung Còn, không ghi năm và nhà xuất bản, trang 867.

2-Thích Thiện Hoa, Tu Tâm, Tám quyển sách quý, nhà xuất bản TP Hồ Chí Minh, Việt Nam, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, năm 2000, trang 23),

Tâm và Tánh liên hệ chặt chẽ mật thiết với nhau, làm cho đôi khi người ta nghĩ rằng: Tâm cũng là Tánh, mà Tánh cũng là Tâm.

Khi Tâm rung động trước những sự vật biến đổi bên ngoài và Tâm phát tiết ra thì gọi là Tình. Tình cảm.

So sánh với chơn linh và chơn thần của con người thì:

- Tâm là chơn linh (Thần).
- Tánh là chơn thần (Khí).

Chữ TÂM, viết theo Hán tự, 心 tượng trưng hình trái tim: ở trên có 3 cái dấu tượng trưng 3 cái cuống (ống dẫn máu), ở dưới là cái túi chứa máu.

Ông Trần Đoàn, hiệu là Hi Di, mô tả chữ Tâm 心 và nói ý nghĩa của nó trong 4 câu thơ Hán văn sau đây:

Tam điểm như tinh tượng,
Hoành câu tự nguyệt tà.
Phi mao tùng thử đắc,
Tố Phật dã do tha.

三點如星象
橫鉤似月斜
披毛從此得
做佛也由他

GIẢI NGHĨA:

Ba điểm như hình ngôi sao,
Nét cong nằm ngang như mảnh trăng xế.
Mang lông theo đó mà được,
Nên Phật do đó vậy.

Cái Tâm của con người được ví với trăng sao trên bầu

trời, nên nó rất mau nhiệm cao cả.

Thành Tiên tác Phật cũng do nơi Tâm, mà trở lại làm loài cầm thú mang lông, đội sừng cũng do Tâm.

Nếu người giữ được cái Tâm luôn luôn lương thiện, bác ái và công bằng, thì sẽ trở thành Tiên, Phật.

Nếu người để cho cái Tâm buông lung trở nên vạy tà, gian ác, thì sẽ gây ra biết bao ác nghiệp, nên phải bị đọa đầy thành loài quỷ ma, hoặc luân hồi trở lại cõi trần mà làm thú cầm đền bồi tội lỗi.

Ngày xưa, người ta nghĩ rằng, trái tim là chỗ nghĩ ngợi, lo lắng, cũng là nơi phát xuất tình cảm, bởi vì có nhận xét là khi ta vui thì tim ta như nở lớn ra, khi buồn phiền thì trái tim như co thắt lại, khi giận dữ thì tim đập liên hồi. Lần lần người ta mới khám phá ra là sở dĩ tim nở lớn hay tim co thắt là do các dây thần kinh đem mệnh lệnh từ khối óc truyền xuống. Nhưng ai đã ra các mệnh lệnh ấy? Ra các mệnh lệnh ấy chính là một chủ nhân vô hình, ngự tại một nơi kín đáo trong cơ thể con người. Vị chủ nhân đó được nhiều tôn giáo, nhiều phái triết học, gọi bằng nhiều danh từ khác nhau, nhưng tựu trung thì chỉ có một:

*- Người đời thường gọi là: Lương tâm, Linh hồn.

*- Nho giáo gọi là: Chơn tâm, Linh giác, Thần minh.

*- Lão giáo gọi là: Thiên lương, Huyền quang nhưất khiếu.

*- Phật giáo gọi là: Chơn như, Phật tánh, Chơn tâm, Bản lai diện mục.

*- Đạo Cao Đài gọi là: Chơn linh, Tiểu linh quang, Tiểu Thượng Đế.

Tâm hay chơn linh, sở dĩ được gọi là Tiểu Thượng Đế là vì nó chính là một điểm Linh quang, được Thượng Đế chiết ra từ khối Đại Linh quang của Ngài để ban cho mỗi người, nên nó có đầy đủ bản chất của Thượng Đế là trọn lành, trọn tốt, linh diệu vô cùng, hướng dẫn con người làm điều hay, sự phải, thuận tòng Thiên lý, để tiến hóa và tiến hóa mãi cho đến khi trở về nguồn cội sanh ra nó là Thượng Đế mới thôi.

Tâm là cái bốn nguyên của Trời phú cho mỗi người để làm cái Thần minh chủ tể trong con người. Cái Tâm này luôn luôn có khuynh hướng thuận tòng Thiên lý, nên gọi là Chánh tâm. Nhờ có Chánh tâm, con người mới có lương tri, lương năng để hiểu biết điều nhưn nghĩa, lẽ phải trái. Người ta sở dĩ không làm được điều nhưn nghĩa như bực Thánh Hiền, là vì người ta để cho vật dục che lấp cái Tâm.

Cái Tâm của con người sáng suốt, quán cổ, tri kim, hay khiến con người làm điều hay, sự phải, giục con người mến đạo đức, chuộng tinh thần, biết thuận theo Thiên lý. Nhưng người phải nhớ lấy, đừng cho lòng dục dấy lên, thì tội tình gây ra mãi. Cái Tâm là thiện, là sáng suốt, nhưng bị vật dục bên ngoài đưa đẩy vào, làm cho choán hết cái thanh quang, sanh lòng quấy quá.

Người quân tử bao giờ cũng giữ cái Tâm cho thanh bạch, tịnh an, không cho phóng túng, chạy bậy ra ngoài. Biết cách gìn giữ cho định cái Tâm, rồi thì trăm mạch lưu thông khí huyết, nhưn dục tịnh tận, Thiên lý lưu hành.

Tâm Tánh không không, chẳng một vật chi dính vào.

Ấy là: Vạn pháp qui tông, Ngũ hành hiệp nhưt. Chớ con người để cho cái Tâm buông lung, thì sự chết một bên chơn, quỉ vô thường chực rước. Vậy người phải suy cạn, nghĩ cùng.

Con người nên làm chủ cái Tâm, gìn cái ý, mà bảo tồn lấy Tam bửu, Ngũ hành. Tam bửu là báu nhưt của con người: thành Phật Tiên cũng do đó, mà làm ma quỉ cũng tại đó.

“Tiên phạm cũng bởi tại Tâm ra,
Tâm vậy thì làm những quỉ ma.
Tâm chánh còn nuôi thành Thánh đức,
Tiểu nhân vì bởi mất đi mà.”

(Đại Thừa Chơn Giáo)

Đạo Cao Đài gọi Tâm là Tiểu linh quang, hay điểm linh quang, vì nó được chiết ra từ khối Đại linh quang của Thượng Đế, nên nó có đầy đủ bản chất của Thượng Đế. Đức Chí Tôn Thượng Đế có dạy rằng:

“Bạch Ngọc từ xưa đã ngự rồi,
Cần gì hạ giới vọng cao ngời.
Sang hèn trối kệ, Tâm là quý,
Tâm ấy tòa sen của Lão ngời.”

Đức Chí Tôn cũng có nói rằng:
Nơi lòng Thầy ngự, động Thầy hay.

Thánh Nho cũng có nói:

“Nhơn tâm sanh nhưt niệm, Thiên Địa tất giai tri.”

Nghĩa là: “Cái Tâm của con người sanh ra một niệm thì Trời Đất ắt hẳn đều biết rõ”. Thầy đã nói rằng, nơi thân phạm các con mỗi đứa, Thầy đều cho một chơn

linh gìn giữ cái chơn mạng sinh tồn. Thầy tưởng cũng chẳng cần nói, các con cũng hiểu rõ rằng: Đấng chơn linh ấy vốn vô tư, mà lại đặng phép giao thông cùng cả chư Thần, Thánh, Tiên, Phật và các Đấng trọn lành nơi Ngọc Hư Cung, nhứt nhứt điều lành và việc dữ đều ghi chép không sai, đặng dâng vào Tòa Phán xét. Bởi vậy, một mảy không qua, dữ lành đều có trả, lại nữa, các chơn linh ấy, tánh Thánh nơi mình, đã chẳng phải gìn giữ các con mà thôi, mà còn dạy dỗ các con, thường nghe đời gọi lộn lương tâm là đó.

Bởi vậy, chư Hiền và chư Thánh Nho nói rằng: “Khi nhưn tức khi Tâm, hoạch tội ư Thiên vô sở đảo dã”. Như các con nói dối, trước chưa dối với người, thì các con đã nói dối với lương tâm, tức là chơn linh. (Thánh Ngôn Hợp Tuyển)

Đức Phật Mẫu giảng cơ tại Báo Ân Từ ngày 15-8, năm Đinh Hợi (1947) dạy về chữ Tâm như sau: “Đời hay Đạo cũng vậy, muốn lập nền tảng cho sự thái bình, phải cần lập Tâm cho chơn chánh, đĩnh đạc, để gieo sự hòa nhã yêu đương, rồi mới mong tề gia trị quốc. Bạo tàn áp bức, oai võ chế kềm, chẳng qua là tạo cảnh khổ về sau, không trường tồn được.

Vậy cần trau dồi chữ Tâm cho lắm! Cái thất bại của Đạo và Đời vừa qua là nơi kẻ cầm quyền không trọn tâm đức và nếu được hòa hiệp thành một khối chặt chẽ rồi, thì các con mới đui dắt nhưn sanh khỏi lo lầm lạc.

Mỗi người đều có một cái Tâm, đó là chơn linh hay điểm linh quang do Đức Chí Tôn ban cho mỗi người

để làm một vị Thần minh chủ tế con người.

Gắng sức trau giồi một chữ Tâm
Đạo đời muôn việc khỏi sai lầm.
Tâm thành ắt đạt đường tu vững.
Tâm chánh mới mong mối Đạo cầm.
Tâm ái như sanh an bốn biển.
Tâm hòa thiên hạ trị muôn năm.
Đường Tâm, cửa Thánh dầu chưa vẹn,
Có buổi hoài công bước Đạo tầm.

Do đó, bản chất của Tâm là:

- Lương thiện, chơn chánh, nên gọi nó là Lương tâm, ưa đạo đức, chuộng tinh thần, thuận tòng Thiên lý.
- Sáng suốt, phân biệt thiện ác, chánh tà, tốt xấu, tức là có được lương tri, lương năng.
- Dao động luôn luôn theo sự biến đổi của cảnh vật bên ngoài, nên gọi là “Tâm viên, ý mã” (Tâm như con khỉ, ý như ngựa).

Thất tình lục dục luôn luôn chực chờ, lấy sự thỏa mãn vật dục làm miếng mồi ngon nhử cái Tâm đi theo đường tà của chúng. Cho nên, chỗ tối yếu của huyền năng chánh pháp là Tịnh Tâm, để điều khiển lục dục thất tình, hướng chúng vào đường cao thượng. Như dục được lặng yên thì mới vệt được vô minh, Tâm mới tỏ.

Tâm và Tánh rất quan trọng và liên quan mật thiết với nhau như thế, nên trong các phép luyện đạo của Tam Giáo đều chú trọng luyện Tâm và Tánh. Tâm và Tánh của con người cũng đồng như một, song Tâm là chủ tế,

Tánh là chủ động, nghĩa là còn ở trong thì là Tâm, khi đã phát ra ngoài là Tánh.

Cái Tánh của con người thì bốn thiện, sở dĩ con người làm ác là vì cái Tánh bị nhiễm trước trần và cái Tâm bị lục dục thất tình che lấp.

Nho giáo dạy: Tôn Tâm Dưỡng Tánh, tức là giữ cái Tâm cho còn cái bốn nguyên, chí thiện chí mỹ của nó, mà nuôi dưỡng cái Tánh cho luôn luôn được chơn chánh thiện lương.

Phật giáo dạy: Minh Tâm Kiến Tánh, tức là phép Đốn ngộ, trực chỉ vào Tâm, kiến Tánh thành Phật.

Tiên giáo dạy: Tu Tâm Luyện Tánh, tức là luyện Tam bửu (Tinh, Khí, Thần) hiệp nhất.

Tâm và Tánh được các Đấng Giáo Chủ Tam Giáo giảng dạy mỗi vị một cách khác nhau, dùng những từ ngữ khác nhau, nên làm cho kẻ hậu học rất khó khăn trong việc tìm hiểu cho đúng đắn. Ngày nay, thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn Thượng Đế dùng huyền diệu cơ bút dạy Đạo cho nhơn sanh, đã chỉ rõ Tâm và Tánh là cái gì, nguồn gốc của nó từ đâu, để nhơn sanh thấy rằng, tuy Tâm và Tánh được gọi bằng nhiều danh từ, nhiều cách, nhưng chỉ có một chơn lý mà thôi.

TÂM chính là điểm Linh Quang của Đức Chí Tôn chiết ra từ khối Đại Linh Quang của Ngài để ban cho mỗi người làm chơn linh hay linh hồn.

TÁNH chính là chơn thần, do Đức Phật Mẫu ban cho để làm xác thân thiêng liêng bao bọc linh hồn. Nhờ có

chơn thần mà con người đầu kiếp xuống cõi trần để có thêm một xác thân phàm.

Do đó, con người nơi cõi trần đều có đủ Tâm và Tánh. Đức Chí Tôn cho con người đầu kiếp xuống cõi trần là để học hỏi và tiến hóa, tiến hóa mãi đến mức Tâm và Tánh tận thiện, tận mỹ, chí diệu chí linh, để hiệp nhập vào Chơn lý hằng hữu bất biến.”¹

Trương Hoành Cừ, Nho Giáo, còn phân biệt Tính (tánh) làm “Thiên địa chi tính và khí chất chi tính”, tính thiện là tính của trời đất phú cho, tính ác là tính của khí chất sinh ra.”²

Trình Y Xuyên cũng nói: “Ở trời làm mệnh, ở người làm tính (tánh), luận cái sở chủ thì làm tâm. Tính là cái lý của tâm vậy, tình là sự động của tính, tâm là cái chủ của tính tình”³

Tiếp theo phần giải thích ý nghĩa của các từ Giới, Tâm, sau đây là phần giải thích ý nghĩa của từ “Kinh”. “Kinh là kinh điển, hay giáo lý. từ ngữ Kinh, có nghĩa là đường canh, là đường chỉ xuôi trong tấm vải. Nhờ sợi chỉ xuôi, khâu kết các sợi chỉ ngang, để làm thành một tấm vải.

Còn kinh là sự tổng hợp, ghi chép lời nói của Phật,

1-Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng, Cao Đài Từ Điển, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Tòa Thánh Tây Ninh, năm 1997, các trang 178-189.

2-Trần Trọng Kim, Nho Giáo, nhà xuất bản TP Hồ Chí Minh, năm 1991, trang 482.

3- Trần Trọng Kim, Nho Giáo, nhà xuất bản TP Hồ Chí Minh, năm 1991, trang 505.

hoặc Thánh Hiền.¹ Vậy, Giới Tâm Kinh là bài kinh có nội dung dạy người sửa tánh, răn lòng²

Sau đây là trích đoạn bài Giới Tâm Kinh:

Giới Tâm Kinh (Giọng Nam-Xuân)

Vọng Thượng Đế chứng lòng thành tín,
Chúng sanh đồng bái kính khẩn nguyện.
 Nguyên cho trăm họ bình yên,
Nhà nhà no ấm khỏi phiền khỏi than.
Nguyên Khổng Thánh bảo toàn Nho Giáo,
Lấy nghĩa như Đại Đạo truyền ra.
 Tây phương Phật Tổ Di Đà,
Nam Hải Phổ Đà cứu khổ Quan Âm.....

...Thiện nam, tín nữ nghe thời phải vưng.
Chớ tự phụ, cũng đừng khinh ngạo,
Lẽ Trời hăng quả báo chẳng sai.
 Lời khuyên già trẻ gái trai,
Khá tua sửa nết, ăn chay làm lành.
 Đấng Tạo Hóa hóa sanh muôn vật,
Phú cho người tánh rất linh thông.
 Đặt ra có họ, có dòng,
Vua, thầy, cha, mẹ, vợ, chồng, cháu, con.

1- Thích Thiện Hoa, *Phật Học Phổ Thông quyển 3, nhà xuất bản Tôn Giáo, Hà Nội, Việt Nam, 2002, trang 618.*

2- HT Nguyễn Văn Hồng, *Giải Thích Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo, Ban Thế Đạo Hải Ngoại Hoa Kỳ tái bản lần thứ nhất, 2001, trang 513.*

Tình huynh đệ tày non tợ biển,
Nghĩa hữu bằng phải kiếng phải tin.
Cang tam, thường ngũ phải gìn,
Chứa đức, làm lành, làm phước, làm doan.
Gặp người đói rách khốn nàn,
Ra tay chẵn cứu cho toàn nghĩa nhơn.
Mưa chớ ham giọng đờn tiếng quyến,
Thói dâm phong rù quyến nguyệt hoa.
Có ngày hư nát cửa nhà,
Xa gần đồn tiếng thúi tha vô cùng.
Trường đồ bác cũng đừng léo tới,
Phường trăng hoa hát bội khá từ.
Những điều nơ nhuốc phải chừa,
Hỗn hào mắng nhiếc, nói thừa nói thêm.
Nơi địa ngục công kềm sẵn đủ,
Để răn loài dâm phụ gian phu.
Ai ai bền chí mà tu,
Phước đem đổi tội cho phu để gì?

Có thơ rằng:

Để gì lộn kiếp đặng làm người,
May đặng làm người chớ để-duôi.
Lành dữ hai đường vừa ý chọn,
Lành như tòng, dữ tợ hoa tươi.
Hoa tươi, tòng bá, khác nhau xa,
Tòng bá xơ rơ kém sắc hoa.
Gặp tiết đông-thiên sương tuyết bủa,
Chỉ còn tòng bá, chẳng còn hoa.
Còn hoa mà lại ích chi đâu,
Đẹp dáng tươi màu đặng mấy lâu.

Thử sánh ngọn đèn cùng bóng nguyệt,
Gió lay đèn tắt, nguyệt lầu lầu.
Lầu lầu một tấm tợ đài gương,
Trung, hiếu, tiết, trinh vẹn mọi đường.
Sang cả mặc người đừng bợ đỡ,
Hoạnh tài trơ mắt khỏi tai ương.
Tai ương hoạn họa luống ưu sầu,
Vì bởi hay bày chước hiểm sâu.
Lập kế đồ mưu âm hại chúng,
Kiếp sau mang lấy lột heo trâu.
Heo trâu thân thể mặt hèn thay,
Mãn kiếp lại còn bị xẻ thây.
Lộng lộng lười Trời tuy sếu-sáo,
Thừa mà chẳng lọt mảy lông mày.
Mây râu đứng giữa cõi trần-gian,
Gắng sức chống cho vững miếu đàn.
Phận gái tam tòng cùng tứ đức,
Tề gia nội trợ vẹn là ngoan.
Ngoan ngùy chơn chánh Phật Thần thương,
Chơn chánh liên hòa với thiện lương.
Thần Thánh thành, do người chánh thiện,
Thiện lương chơn chánh đức không lường.
Không lường kẻ thiện với người hung,
Bợ đỡ giàu sang phụ khốn cùng.
Ngoài mặt giả tuồng người trượng nghĩa,
Trong lòng dối kết chút tình chung.
Tình chung đặng cậy thế người sang,
Mượn tiếng khua môi với xóm làng,
Lời dạy Thần Tiên không kể đến,

Đạo mầu chẳng cứ, cứ khoe khoang.¹

Trọng tâm của bài Giới Tâm Kinh khuyên người tín đồ Cao Đài “tu tâm, sửa tánh”, giữ lòng trong sạch, làm phải, làm lành. Tuy nhiên, cũng có lúc, hoặc vô tình, hoặc sống trong hoàn cảnh lạc lăm mà trót phạm tội, thì phải ăn năn, sám hối:

“Người ở thế mấy ai khỏi lỗi,
Biết lạc lăm sám hối tội căn.
Tu tâm, sửa tánh ăn năn,
Ba giềng nắm chặt, năm hằng chớ rời...”

Người tín đồ Cao Đài tụng “Kinh Sám Hối” để ăn năn, hối lỗi. Kinh Sám Hối gồm 444 câu kinh, xin trích như sau:

Kinh Sám Hối **(Giọng Nam Xuân)**

“Cuộc danh lợi là phần thưởng quý,
Đấng Hóa Công xét kỹ ban ơn.
Lòng đừng so thiệt tính hơn,
Ngày đêm than thở dạ hờn ích chi.
Người sang cả là vì duyên trước,
Kẻ không phần luống ước cầu may.
Sang giàu chẳng khác như mây,
Khi tan khi hiệp đối xây không thường.
Việc sanh tử như đường chớp nhoáng,
Bóng quang âm ngày tháng dập dồn.
Giữ cho trong sạch linh hồn,

1-Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Tòa Thánh Tây Ninh, ấn hành 1992, trang 86-89,

Rèn lòng sửa nét đức tồn hậu lai.
Điều họa phước không hay tìm tới,
Tại mình đời nên mới theo mình.

Cũng như bóng nợ tùy hình,
Dữ lành hai lẽ công bình thưởng răn.
Khi vận thời lung lẳng chẳng kể,
Lúc suy vi bầy lẽ khẩn cầu.

Sao bằng ở phải buổi đầu,
Thần minh chánh trực có đâu tư vì.
Người làm phước có khi mắc nạn,
Kẻ lẳng loàn đặng mạng giàu sang.

Ấy là nợ trước còn mang,
Duyên kia chưa dứt còn đang thưởng đền.
Nếu vội trách người trên thì họa,
Cũng có khi tai họa trả liền.

Đó là báo ứng nhãn tiền,
Mau thì mình chịu lâu truyền cháu con.
Lo danh vọng hao mòn thân thể,
Ham làm giàu của để bằng non.

Một mai nhắm mắt đâu còn.
Dem vàng chuộc mạng đổi lòn đặng chằng.
Trên đầu có bữa giảng Thần Thánh,
Xét xem người tánh hạnh dữ hiền.

Làm lành đặng hưởng phước duyên,
Trong lòng nham hiểm lộc quyền giảm thâu.
Đừng tính kế độc sâu trong dạ,
Mà gở ganh oán chạ thù vợ.

Trái oan nào khác mối tơ,
Rối rồi không gỡ bao giờ cho ra.
Thấy hình khổ dạ ta đâu nữ,

Khuyên làm lành trừ đỡ tội căn.

Quấy rồi phải biết ăn-năn,
Ở cho nhân hậu chế răn lòng tà.
Hãy có dạ kính già thương khó,
Chớ đem lòng lấp ngõ tài hiền.

Xót thương đến kẻ tật nguyên,
Đỡ nâng yếu thế bình quyền mồôi.
Làm con phải trau giồi hiếu đạo,
Trước là lo trả thảo mẹ cha.
Lòng thành thương tưởng ông bà,
Nước nguồn cây cội mới là tu mi.
Giá trong sạch nữ nhi trượng tiết,
Giữ cho tròn trinh liệt mới mâu.

Ở sao đáng phận đạo dâu,
Thờ chồng tiết hạnh mới hầu gái ngoan.
Đừng có cậy giàu sang chẳng nề,
Không kiên chồng khi dễ công cô.

Ấy là những gái hung đồ,
Xúi chồng tranh cạnh hồ đồ sân si.
Tánh ngoan ngạnh không vì cô bác,
Thói lẳng loàn bạ tác khinh khi.

Ngày sau đọa chốn Âm Ty,
Gông kèm khảo kẹp ích gì rên la.
Người tai mắt đạo nhà khá giữ,
Nghĩa anh em cư xử thuận hòa.

Vẹn tròn đạo cả giếng ba,
Kính anh mến chị thì là phận em.
Trên thương dưới xét xem kẻ nhỏ,
Lúc lâm nàn chớ bỏ tránh xa.

Cũng là một gốc sanh ra,

Gồm bao nâng đỡ ruột rà thương nhau.

Người trung trực lo âu nợ nước,
Hưởng lộc vua tìm chức an bang.

Chớ làm con giặc tôi loạn,
Thuế sưu đóng đủ đừng toan kể tà.

Phận làm tớ thật thà trung tín,
Với chủ nhà trọn kính trọn ngay.

Áo cơm no ấm hằng ngày,
Của người châu cấp ơn dày nghĩa sâu.
Đừng gặp việc câu mâu biếng nhác,
Mà quên lời phú-thác dặn dò.

Trước người giả bộ siêng lo,
Sau lưng gian trá so đo tắc lòng...

.....Làm ra lúa gạo dày công,
Dầm mưa dạn nắng kẻ nông nhọc nhần.

Nhờ Diêm Đế đức cao ân nặng,
Tìm lúa khoai người đặng no lòng.

Ngày ngày vọng niệm chớ vong,
Chẳng nên hủy hoại mới phòng khỏi hoang.

Chớ hiểm độc dạ lang lần lữa,
Nhơn thất mùa bế dựa gặt gao.

Chờ khi lúa phát giá cao,
Khai ra bán mắc Trời nào dung cho.

Ổn trợ giúp khá lo đèn báo,
Giữ vẹn tròn nghĩa đạo với đời.

Túng cùng vay mượn của người,
Vui lòng tính trả vốn lời cho kham.

Chớ oán chạ tham lam ngược ngạo,
Bội nghĩa ân trở tráo chức sâu.

Luân hồi thưởng phạt rất mâu,

Chuyển thân tái thế ngựa trâu công đền.
Người phú túc vun nền âm đức,
Lấy lòng nơn giúp sức trợ nghèo.

Chớ sanh chước hiểm hẹp eo,
Lời tăng quá vốn kẻ nghèo xiết than.
Làm mặt phải bạc ngàn cúng Phật,
Ép kẻ nghèo cố đất cầm vườn.

Phật Trời nơn vật đồng thương,
Có đâu hưởng của bất lương mà mời.
Phận làm chủ lấy lời nhỏ nhẹ,
Mà nghiêm trừng mấy kẻ tôi đòi.

Đừng lòng nham hiểm hẹp hòi,
Buông lời chửi rửa đòn roi không từ.
Tánh độc ác tội dư tích trữ,
Chốn Âm Cung luật xử nặng nề.

Đánh đòn khảo kẹp gồm ghê,
Hành hình khổ não chẳng hề nới tay.
Miền âm cảnh nhiều thay hình lạ,
Cõi dương trần tội quá đầy đầy.

Thánh hiền Kinh sách dạy bày,
Lòng người ám muội lỗi gây ra hoài.
Kẻ lỗ mãng chê bai khinh dể,
Rằng thác rồi còn kể ra chi.

Nhãn tiên trả quả tức thì,
Tội dư con cháu một khi đền bồi.
Chớ quấy tưởng luân hồi phi lý,
Mà hung hăng chẳng nghĩ chẳng suy.

Thi hài như gỗ biết gì,
Linh hồn là chủ thông tri việc đời.
Lúc chung mạng dứt hơi, hồn xuất,

Quả vô-thường sẵn chực đem đi.

Dắt hồn đến chốn Âm-Ty,
Xét xem công quả chẳng ly mảy hào.
Người lương thiện ra vào thông-thả,
Kẻ tội nhiều đày đọa rất minh,

Phật, Trời phép lạ hiển linh,
Hành cho tan xác hườn hình như xưa.
Con bất hiếu xay cưa đốt giã,
Mổ bụng ra phanh rã tim gan.

Chuyển thân trở lại trần gian,
Sanh làm trâu chó đội mang lông sừng.
Kìa những gái lấy lừng hạnh xấu,
Bỏ vạc đồng đốt nấu phẩm kinh.

Vì chưng trình tiết chẳng gìn,
Có chồng còn lại ngoại tình với trai.
Kẻ tham lợi cột mai cột mối,
Chuốt trau lời giả dối ngọt ngon.

Đỗ dành, rù quên gái non,
Làm hư hoại tiết cháu con nhà người.

Lòng lang độc vui cười hớn-hở,
Chốn Diêm Đình phạt quở trừng răn.

Gông kèm khảo kẹp lằng xằng,
Hành cho đáng kiếp tội căn đã làm.
Ngục đao kiếm cầm giam phạm ác,
Tánh gian dâm hành phạt gồm ghê.

Giáo gươm bén nhọn tư bề,
Chém đâm máu chảy tràn trề ngục môn.
Hành đến chết hườn hồn sống lại,
Cho đầu thai ở tại thanh-lâu.

Ngày đêm đưa rước chực chầu,

Công bình Thiên Đạo phép mầu chí linh.
Móc nhọn vắt treo mình nhỏng nhánh,
Cối đập đồng rất mạnh giã dần.
 Ấy là phạt kẻ lường cân,
Đo gian, đong thiếu, Thánh Thần chẳng kiêng.
Bầy chó dữ mang xiềng chạy đại,
Thấy tội nhưn xúm lại phân thân.
 Hình này phạt kẻ đại ngậy,
Khinh khi Tam-giáo đọa-đày thế ni.
Ao nước nóng sôi thì sục sục,
Dầm cho người rã rục thịt xương.
 Cũng vì lòng dạ vô lương,
Đệ huynh bất mục chẳng thương đồng bào.
Nhiều gộp núi như đao chơm chớm,
Thấy dùn mình táng đờm rất ghê,
 Thây người máu chảy dầm dề,
Tiếng la than khóc tư bề rùm tai.
Phạt những kẻ sửa ngay ra vạy,
Tở phản Thầy, tội lại bất trung.
 Hành rồi giam lại Âm Cung,
Ngày đêm đánh khảo trắng cùm xiềng gông.
 Hình Bào Lạc cột đồng vòi vọi,
Đốt lửa hồng ánh giới chói lò.
 Trói người vào đó xát chà,
Vì chưng hung bạo đốt nhà bắn sắn.
Có cộp dữ nhãn răng đưa vấu,
Gặp tội nhưn quào quấu xé thân.
 Ấy vì lòng dạ chẳng ngay,
Giết người lấy của bị nay hình này.
Ao rộng lớn chứa đầy huyết phần,

Xô người vào, lợi lặn nhờm thay!

Tanh hôi mình mẩy vấy đầy,
Trời lên hụp xuống gậy cây đánh đầu.
Để hành kẻ chứa sâu, lưỡng cửa,
Trù ếm người, chửi rửa Tổ Tông.

Đồ dơ giặt đổ rạch sông,
Đương khi ướ trước thẳng xông chỗ thờ.
Vào bếp núc chỗ như không kể,
Phơi áo quần chẳng nề Tam Quang.

Buông lời tục tĩu dâm loạn,
Lâu mau, nặng nhẹ, chịu mang tội này.
Ao rộng sâu chứa đầy giòi tửa,
Hơi tanh hôi thường bữa lầy-lùng.

Gạo cơm hủy hoại quen chường,
Phạt ăn dơ dáy mới ứng tội hình.
Cột trói ngược quá kinh rất lạ,
Quỉ Dạ xoa đánh vả kẹp cửa.

Vì chưng chửi gió mắng mưa,
Kêu tên Thần, Thánh chẳng chừa chẳng kiêng.
Bàn chông nhọn liên liên đánh khảo,
Tra tội nhờn, gian xảo ngược ngang.

Hành người bế dịch, trợ hoang,
Thừa năm hạn đói mưu toan bức nghèo.
Thành Uổng Tử cheo leo gớm ghiếc,
Cầm hồn oan rên siết khóc than.

Dương gian ngỗ nghịch lằng loàn,
Liều mình tự vận không màng thảo ngay.
Xuống Địa Ngục đọa đầy hành mãi,
Đúng số rồi còn phải luân hồi.

Hóa công xem xét đền bồi,

Lành siêu dữ đọa thêm nhồi tội căn.
Cầu Nại Hà bắc giảng sông lớn,
Tội nhờn qua óc rởn dùn mình.

Hụt chơn ván lại gập ghình,
Nhào đầu xuống đó cua kinh rĩa thân.
Nhiều thứ rấn mặt mày dữ tợn,
Ngóng cổ trông mắt trợn dòm người.

Gấp thầy nuốt sống ăn tươi,
Vì bày thừa kiện móc bươi xúi lời.
Trong núi lửa bay hơi tanh khét,
Linh hồn người đầy nghệt trong ngoài!
Phạt răn quến gái, dụ trai,
Bày ra thuốc độc, phá thai tuyệt loài.
Người ở thế mấy ai khỏi lỗi,
Biết lạc lầm sám hối tội căn.

Tu tâm sửa tánh ăn năn,
Ba giềng nắm chặt, năm hằng chớ lơ.
Ngặt có kẻ tưởng Trời tin Phật,
Mà trong lòng chẳng thật kính thành.

Lâm nguy miệng vái làm lành,
Tai qua rồi lại dạ đành phụ vong.
Chớ thái quá đừng lòng bất cập,
Phép tu hành luyện tập nhiều ngày.

Làm lành, xem phải, nói ngay,
Giữ ba điều ấy thiệt rày phước duyên.
Lời kệ sám di truyền khuyến thiện,
Câu văn từ luận biện thật thà.

Chẳng dùng những tiếng sâu xa,
E không hiểu thấu diễn ra ích gì?
Chớ buông tiếng thị phi khinh để,

Rán làm lành phước để cháu con.

Làm người nhưn nghĩa giữ tròn,

Muôn năm bóng khuất, tiếng còn bay xa”.¹

Giới Tâm Kinh và Kinh Sám Hối giúp người tín đồ Cao Đài tự mình tu tâm, sửa tánh, ăn năn hối cải, còn sự trừng phạt chỉ là nhắc nhở về phương diện tâm linh, chứ không đưa người phạm tội ra trước tòa đạo để luận tội và có hình phạt cụ thể. Để xử lý một cư sĩ phạm giới, trong giới luật, Phật Giáo sử dụng thủ tục Kiết Ma. Kiết Ma được coi như là một phương thức biểu quyết để xử lý mọi công việc. Luật định nghĩa Kiết Ma là “Tác Pháp Biện Sự”. Do đó, Kiết Ma còn được hiểu là một thủ tục biểu quyết và phải hội đủ 4 điều kiện: Pháp, Nhân, Sự, Xứ:

- Pháp: Là nguyên tắc, thủ tục, phương thức Kiết Ma.
- Nhân: Là nói về tăng số. Sự việc đem ra Kiết Ma cần bao nhiêu người? Có thể từ 1 người đến 10 người, hoặc 20 người. Thí dụ: Việc kết tội thì chỉ cần 4 người, và xuất tội tăng tàn phải giữa 20 người. Về phía ni, thì xuất tội tăng tàn đều phải đủ 20 tăng và 20 ni, thành 40 người.
- Sự: Là sự việc đem ra Kiết Ma, gồm có 2 loại: Thành Thiện Kiết Ma để hoàn thành công việc tốt đẹp, và Trừ Ác Kiết Ma để trị tội.
- Xứ: Là nói về sự kiết giới ở đâu? Phải có chỗ đàn tràng hoàng, chứ không phải bạ đâu làm đó. Chỗ đàn tràng hoàng là chỗ kiết giới. (Thích Thiện Siêu, Cương yếu giới luật, trang 113-132) (5)

1- Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Tòa Thánh Tây Ninh, ấn hành 1992, trang 64-82.

Việc xét và luận tội được qui định chặt chẽ trong Luật Phật. Đạo Cao Đài dung nạp và tuân thủ giới luật của Phật Giáo, gọi là cữ luật. Đồng thời, Đạo Cao Đài canh cải luật lệ, ban hành Tân Luật, Pháp Chánh Truyền, Đạo Luật Năm Mậu Dần 1938 qui định tổ chức nền chánh trị đạo. “Cho nên, Đạo tạo quyền cho Đời bằng sự công chánh, Đời lập nên hình tướng cho Đạo nhờ Luật Thương Yêu. Còn phương pháp cai trị, chiếu theo câu: “Ý dân là ý trời”, biết rằng Quyền Vạn Linh đối với Quyền Chí Linh, nên lúc nào cũng lấy nhơn sanh làm trọng”.

Đạo Cao Đài là tôn giáo mới, được khai mở vào ngày rằm tháng 10 năm Bính Dần, 1926, tại chùa Gò Kén (tức Từ Lâm Tự), thuộc làng Long Thành, quận Châu Thành, (sau đổi thành quận Phú Khương), hiện nay là huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Đạo Cao Đài là tôn giáo tiên phong và duy nhất tại Việt Nam đã đưa lý thuyết và tư tưởng chánh trị dân chủ của Tây Phương, như John Locke (Anh quốc), Montesquieu và Jean Jacques Rousseau (Pháp quốc) vào luật qui định tổ chức chánh trị đạo, với tam quyền phân lập chặt chẽ, rõ ràng.¹ Quyền Hành Pháp thuộc Cửu Trùng Đài, Quyền Tư Pháp thuộc Hiệp Thiên Đài và Quyền Lập Pháp thuộc về 3 Hội: Hội Nhơn Sanh, Hội Thánh và Thượng Hội, tức là Hội Tối Cao, có quyền xem xét đề nghị của Hội Nhơn Sanh và Hội Thánh, rồi có quyền chấp thuận hay là không. Ba Hội này hiệp

1- Giáo sư Hùng Nguyên Nguyễn Ngọc Huy, *Dân Tộc Sinh Tôn, Chủ Nghĩa Quốc Gia Khoa Học*, 1964, tái bản 2006, trang 99-117. *Quyền Hành*

lại làm Cơ Quan của Quyền Vạn Linh ¹ (Quyền Lập Pháp)

Thật vậy, Đạo Luật năm Mậu Dần 1938 (chương 4) ấn định thành phần Tòa Hiệp Thiên Đài và Ban Kỷ Luật Hiệp Thiên Đài để hành xử quyền Tư Pháp, phân xử chức sắc, chức việc và tín đồ phạm luật đạo. Quyền Tư Pháp được công nhận và hành xử độc lập với quyền Hành Pháp trong Đạo Cao Đài từ năm 1938.

Tại Việt Nam, Hiến pháp của đệ nhất cộng hòa (1956) lần đầu tiên công nhận tam quyền Hành Pháp, Tư Pháp và Lập Pháp, nhưng quyền Tư Pháp vẫn còn nằm trong bộ tư pháp thuộc chánh phủ (Hành Pháp), và tại địa phương (tỉnh), tòa cấp sơ thẩm vẫn còn là tòa hòa giải rộng quyền, chánh án sở tại vừa giữ quyền công tố, kiêm quyền điều tra (dự thẩm) và quyền xử án. Hiến Pháp đệ nhị Cộng Hòa 1967, lần đầu tiên qui định các quyền Hiến Định, gồm có 4 quyền: Hành Pháp, Lập Pháp, Tư Pháp và Giám Sát. Quyền Tư Pháp thuộc Tối Cao Pháp Viện, quản trị các thẩm phán ngành xử án. Bộ Tư Pháp, thuộc Hành Pháp, quản trị các thẩm phán ngành công tố. Đến năm 1967, Hiến pháp đệ nhị Việt Nam Cộng Hòa chấp nhận quyền Tư Pháp độc lập, trong khi đạo luật năm Mậu Dần 1938 qui định tổ chức chánh trị của Đạo Cao Đài đã minh thị chấp nhận điều này.

Thật vậy, quyền Tư Pháp được tổ chức và qui định thủ

1- Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, *Chánh Trị Đạo, Ban Thế Đạo Hải Ngoại tái bản lần thứ nhất*, Hoa Kỳ, 2003, các trang 13-16.

tục xét xử chức sắc, chức việc và tín đồ phạm luật đạo và việc áp dụng 10 hình phạt (thập hình), tùy theo mức độ khinh, trọng.

Nói chung, dù Luật Phật, hay Luật Cao Đài qui định thủ tục xét xử tín đồ, hay chức sắc, chức việc phạm luật đều nằm trong tinh thần giúp cho người phạm luật có cơ hội “tu tâm, sửa tánh”, ăn năn sám hối để “lập công, bồi đức”. Đặc biệt, luật được áp dụng trong Đạo Cao Đài là luật Thương Yêu và Tha Thứ. Hình luật lưu hành trong xã hội thế tục có tính răn đe, trừng phạt để ngăn ngừa sự phạm pháp. Luật Phật và Luật Cao Đài thể hiện lòng khoan dung, tha thứ và từ bi.

Từ sau 1975, tại Việt Nam tuy có luật hình và luật hình sự tố tụng ấn định thủ tục xét xử của cơ quan tư pháp, nhưng hiến pháp 1992 của cộng sản chưa chấp nhận tam quyền phân lập. Điều 4 Hiến pháp 1992 thừa nhận sự lãnh đạo duy nhất của đảng cộng sản. Ba quyền Hành Pháp, Tư Pháp và Lập Pháp đều nằm trong tay đảng cộng sản, đưa đến tình trạng độc đảng, sự cai trị độc tài, mà không có cơ quan hiến định nào giám sát. Những quyền dân sự căn bản của công dân không được luật pháp minh thị công nhận và chánh quyền tôn trọng, khiến cho người dân không được luật pháp che chở, bảo vệ, mà trái lại, bị đàn áp, bỏ tù vô lý, oan sai. Thí dụ gần đây, với các điều 88, 258 luật hình, nhiều nhà đấu tranh cho quyền tự do, dân chủ và quyền dân sự của công dân bị tuyên án tù oan sai.

Tóm lại, bài “Giới Tâm Kinh” Đạo Cao Đài khuyên nhủ tín đồ sửa tánh, răn lòng, dựa vào Luật Thương

Yêu và Tha Thứ của Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và Các Đấng Thiêng Liêng, ban Hồng Ân độ rỗi cho những người đang trầm luân đọa đày trong bể khổ, sớm tìm con đường tu giải thoát, để đạt cõi “niết bàn tại thế”. “Giới Tâm Kinh” còn giúp cho người tín đồ ngoan đạo tu tiến để đạt sự thanh tịnh, tinh tấn trên con đường tu học, đồng thời, cũng giúp cho xã hội thế tục, mọi người an hưởng cuộc sống an lành, ấm no, hạnh phúc. Nhân loại sẽ mau tiến đến xã hội thanh bình, an lạc.

Viết tại Thành Phố Sydney, Tiểu Bang New South Wales, Úc Châu.

Năm Đạo thứ 88 (Bát Thập Bát Niên)

Chúa nhật 17 tháng 11 năm 2013, nhằm ngày rằm tháng 10 năm Quý Ty

Lê Tấn Tài

Tài Liệu Tham Khảo:

(1)-Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Tòa Thánh Tây Ninh, ấn hành 1992.

(2)-Lê Tấn Tài, Tinh thần Tam Giáo Đạo Cao Đài trong bối cảnh toàn cầu hóa, tập san Nghiên Cứu Văn Hóa Đồng Nai & Cửu Long, Úc Châu số 1, năm 2007, Sydney.

(3)-Tiến sĩ Hồ Đình Chử, Thiện căn ở tại lòng ta, đặc san Tây Ninh Mến Yêu 2003, Sydney.

(4)-Thích Quang Minh, Chân dung người Phật tử, nhà xuất bản Tôn Giáo, 2001.

(5)-Thích Thiện Siêu, Cương Yếu giới luật, Phật Học Viện Quốc Tế xuất bản, 1997, Hoa Kỳ.

(6)- Đoàn Trung Còn, Phật Học Từ Điển, Sài gòn, 1963.

(7)- Thích Chơn Thiện, Giới Học, Buddha Sasana web-site.

(8)- Thiệu Chửu, Tự Điển Hán Việt, nhà XB Văn Hóa Thông Tin, Hà Nội, Việt Nam, năm 2002.

(9)- Thích Thiện Hoa, Tu Tâm, Tám quyển sách quý, nhà xuất bản TP Hồ Chí Minh, Việt Nam, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, năm 2000.

(10)- Hiền Tài Đức Nguyên Nguyễn Văn Hồng, Cao Đài Từ Điển, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Tòa Thánh Tây Ninh, năm 1997.

(11)- Trần Trọng Kim, Nho Giáo, nhà xuất bản TP Hồ Chí Minh, năm 1991.

(12)- Thích Thiện Hoa, Phật Học Phổ Thông quyển 3, nhà xuất bản Tôn Giáo, Hà Nội, Việt Nam, 2002, trang 618).

(13)- HT Đức Nguyên Nguyễn Văn Hồng, Giải Thích Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo, Ban Thế Đạo Hải Ngoại Hoa Kỳ tái bản lần thứ nhất, 2001.

(14)- Giáo sư Hùng Nguyên Nguyễn Ngọc Huy, Dân Tộc Sinh Tồn, Chủ Nghĩa Quốc Gia Khoa Học, 1964, tái bản 2006.

(15)- Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, Chánh Trị Đạo, Ban Thế Đạo Hải Ngoại tái bản lần thứ nhất, Hoa Kỳ, 2003.